

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ M  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST

Ngày: 16/03/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng  
góp hụi”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG**  
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Hạnh**.

2. Bà **Phan Thị Đẹp**.

Thư ký phiên tòa: Anh **Phạm Nhật Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 354/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST – DS ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: T, Khu phố H, Phường C, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ C, ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết, nên đầu năm 2019, chị T có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ hụi, cụ thể như sau:

+ Dây 1: Hụi 500.000 đồng/15 ngày (nửa tháng), khai vào ngày 15/01/2019 (AL) gồm có 40 phần, chị T tham gia 01 phần. Chị T đóng được 36 kỳ thì bà Đ tuyên bố hụi bị bể nên chị ngưng không đóng hụi nữa. Bà Đ có đến gặp chị thương lượng và bà Đ có làm biên nhận tổng kết số nợ tiền dây hụi này là 500.000 đồng/15 ngày/phần x 36 kỳ = 18.000.000 đồng.

+ Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai vào ngày 15/01/2020 (AL) gồm có 26 phần, chị T tham gia 04 phần. Chị T đóng hụi cho bà Đ được 06 kỳ thì bà Đ tuyên bố hụi bị bể nên ngưng không đóng nữa. Bà Đ có làm biên nhận tổng kết số nợ chị tiền dây hụi này là 1.000.000 đồng/tháng x 04 phần x 06 kỳ = 24.000.000 đồng.

Ngày 04/08/2020, bà Nguyễn Thị Đ có đến gặp chị thương lượng và bà Đ có làm biên nhận tổng kết số tiền nợ chị 02 dây hui như đã nêu trên là 42.000.000 đồng hẹn 03 tháng sau bán được đất sẽ hoàn trả dứt số tiền nợ cho chị. Nhưng bà Đ chỉ trả cho chị được số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 19/08/2020 thì không có trả cho chị khoản tiền nào nữa dù chị đến đòi nhiều lần, bà Đ cố tình lẩn tránh không gặp mặt chị.

Nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho chị số tiền nợ hui là 37.000.000 đồng, thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T thuộc tranh chấp dân sự là “Hợp đồng góp hui”. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ cư trú tại tổ C, ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Đ.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ hui 37.000.000 đồng, thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử, chị Nguyễn Thị T đã cung cấp cho Tòa án 01 bản gốc biên nhận tổng kết nợ hui ngày 04/08/2020 (bút lục số 20) và chị T khẳng định biên nhận tổng kết nợ hui do bà Nguyễn Thị Đ viết biên nhận và ký tên.

Xét thấy, đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ. Sau khi Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải, các thông báo kết quả phiên họp và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo đúng thủ tục hợp lệ. Nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Đ không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không nộp bản tự khai, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và ý kiến đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự cho thấy chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự, chị Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải trả số tiền nợ hui 37.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy trong mối quan hệ tranh chấp này, bà Nguyễn Thị Đ là người có lỗi đã vi phạm hợp đồng không trả nợ cho chị Nguyễn Thị T. Nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả cho chị T số tiền nợ hui 37.000.000 đồng, thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Do bà Nguyễn Thị Đ đã vi phạm về thời gian trả nợ và phương thức trả nợ nên cần buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả số tiền nợ cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Áp dụng Nghị định 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.850.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002429 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

Nơi nhận:

- VKSND. TP M.
- Chi cục THADS. TP M.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**Võ Thị Thuận Thảo**

